

Số: 1402 /ICDLB-HC

Đồng Nai, ngày 12 tháng 8 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam;
- Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM.

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CP ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH**

- Mã chứng khoán: **ILB**
- Địa chỉ: **Số 10 Phan Đăng Lưu, KP7, phường Long Bình, Đồng Nai**
- Điện thoại liên hệ: 0251 6255 999 Fax: 0251 6501 826
- Email: tuannq@icdlongbinh.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- Công ty CP ICD Tân Cảng - Long Bình công bố thông tin Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến bằng văn bản (đính kèm Danh sách cổ đông tham gia biểu quyết).

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử công ty vào ngày 12/08/2025 tại đường dẫn <https://icdlongbinh.com/quanhecodong/category/144>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- NQ ĐHĐCĐ + BB kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
Phan Anh Tuấn

Số: 04/2025/NQ-ĐHĐCĐ

Đồng Nai, ngày 12 tháng 8 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Căn cứ Luật Doanh nghiệp và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
Căn cứ Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần ICD Tân Cảng – Long Bình;
Căn cứ Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản số 03/2025/BB
- ĐHĐCĐ ngày 12/8/2025.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua việc lựa chọn đơn vị soát xét BCTC bán niên 2025 và BCTC kiểm toán năm 2025.

Điều 2: Thông qua chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm giai đoạn 2021 – 2025.

Điều 3: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm Soát, Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;
- Cổ đông;
- UBCKNN, HOSE (CBTT)
- FPTS (p/h)
- Lưu: VT, HC.T03

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG



PHAN VĂN TIẾN

Số: 03/2025/BB-ĐHĐCĐ

Đồng Nai, ngày 12 tháng 8 năm 2025

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU
LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN
CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần ICD Tân Cảng – Long Bình;

Nghị quyết Hội đồng quản trị số 12/2025/NQ-ICDLB ngày 30/06/2025 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng – Long Bình về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản năm 2025.

Hôm nay vào lúc 9h00 ngày 12 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở chính Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng – Long Bình, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng – Long Bình tiến hành kiểm Phiếu biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông dưới sự chứng kiến của đại diện Ban kiểm soát như sau:

I. Thông tin về Công ty:

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng – Long Bình
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 10 Phan Đăng Lưu, KP7, phường Long Bình, Đồng Nai, Việt Nam.
- Mã số doanh nghiệp: 3601033213, do Sở tài chính tỉnh Đồng Nai cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 26/05/2025.

II. Thành phần tham dự buổi kiểm phiếu:

❖ Hội đồng quản trị

- Ông Phan Văn Tiến - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
- Ông Phan Anh Tuấn - Chức vụ: Thành viên HĐQT

❖ Ban kiểm phiếu:

1/

1. Bà Đinh Thị Quỳnh Hoa - Chức vụ: Trưởng ban nhân sự - Trưởng ban

2. Bà Trần Ngô Thảo My - Chức vụ: Nhân viên nhân sự - Thành viên

3. Ông Ngô Thanh Trì - Chức vụ: Trưởng ban CNTT - Thành viên

❖ Chứng kiến kiểm phiếu:

1. Bà Phạm Thị Thu Thủy - Chức vụ: Phó trưởng phòng KHKD

2. Bà Phạm Thị Phương - Chức vụ: Kế toán tổng hợp

3. Ông Lê Quang Ngân - Chức vụ: Phó phòng điều độ

III. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết:

Nội dung 01: Thông qua việc lựa chọn đơn vị soát xét BCTC bán niên 2025 và BCTC kiểm toán năm 2025.

Nội dung 02: Thông qua chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm giai đoạn 2021 – 2025.

Nội dung 03: Thông qua Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

IV. Thống kê số phiếu lấy ý kiến:

- Tổng số tờ phiếu gửi đi: 1.251 phiếu đại diện cho: 38.199.492 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu thu về: 81 phiếu đại diện cho: 20.610.843 phiếu biểu quyết, chiếm 53,9558% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, trong đó:

+ 78 tờ phiếu của cổ đông/ người nhận ủy quyền đại diện cho: 1.006.418 phiếu biểu quyết, chiếm: 2,6346% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.

+ 3 tờ phiếu đại diện theo ủy quyền của cổ đông Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn đại diện cho: 19.604.425 phiếu biểu quyết, chiếm: 51,3212% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu không thu về: 1.172 phiếu đại diện cho: 17.588.649 phiếu biểu quyết, chiếm: 46,0442% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.

- Tính đến 17h00 ngày 04/8/2025, Công ty đã nhận được phiếu lấy ý kiến của cổ đông gửi về theo các phương thức sau:

+ Tổng số tờ phiếu lấy ý kiến thu về theo đường bưu điện: 21 đại diện cho: 124.795 phiếu biểu quyết, chiếm 0,3267% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.

+ Tổng số tờ phiếu lấy ý kiến thu về theo fax hoặc thư điện tử (email): 6 đại diện cho: 114.526 phiếu biểu quyết, chiếm 0,2998% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.

+ Tổng số tờ phiếu lấy ý kiến thu về theo hình thức khác: 54 đại diện cho: 20.371.522 phiếu biểu quyết, chiếm 53,3293% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.

V. Kết quả kiểm phiếu:

Nội dung 01: Thông qua việc lựa chọn đơn vị soát xét BCTC bán niên 2025 và BCTC kiểm toán năm 2025.

- Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 80 đại diện cho: 20.604.509 phiếu biểu quyết, chiếm: 53,9392% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.

+ Tổng số tờ phiếu tán thành: 79 đại diện cho: 20.600.787 phiếu biểu quyết, chiếm: 53,9295% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.

+ Tổng số tờ phiếu không tán thành: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.

+ Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 1 đại diện cho: 3.722 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0097% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 1 đại diện cho: 6334 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0166% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.

Nội dung 02: Thông qua chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm giai đoạn 2021 – 2025.

- Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 80 đại diện cho: 20.604.509 phiếu biểu quyết, chiếm: 53,9392% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.

+ Tổng số tờ phiếu tán thành: 79 đại diện cho: 20.600.787 phiếu biểu quyết, chiếm: 53,9295% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.

h

+ Tổng số tờ phiếu không tán thành: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.

+ Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 1 đại diện cho: 3.722 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0097% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 1 đại diện cho: 6334 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0166% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.

Nội dung 03: Thông qua Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

- Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 80 đại diện cho: 20.604.509 phiếu biểu quyết, chiếm: 53,9392% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.

+ Tổng số tờ phiếu tán thành: 79 đại diện cho: 20.600.787 phiếu biểu quyết, chiếm: 53,9295% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.

+ Tổng số tờ phiếu không tán thành: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.

+ Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 1 đại diện cho: 3.722 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0097% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 1 đại diện cho: 6334 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0166% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.

VI. Kết luận:

Căn cứ Khoản 4, Điều 21 Điều lệ Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng – Long Bình, quy định: “*Trường hợp thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành*”.

Như vậy dựa trên kết quả kiểm phiếu, Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng – Long Bình đã thông qua các nội dung như sau:

Nội dung 01: Thông qua việc lựa chọn đơn vị soát xét BCTC bán niên 2025 và BCTC kiểm toán năm 2025. (Tỷ lệ tán thành 53,9295%).

Nội dung 02: Thông qua chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm giai đoạn 2021 – 2025. (Tỷ lệ tán thành 53,9295%).

Nội dung 03: Thông qua Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. (Tỷ lệ tán thành 53,9295%)

Biên bản kiểm phiếu này kết thúc lúc 11h00 cùng ngày. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm phiếu và Ban giám sát kiểm phiếu cam kết về tính trung thực, chính xác của việc kiểm phiếu trên.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;
- Cổ đông;
- UBCKNN, HOSE (CBTT)
- FPTS (p/h)
- Lưu: VT, HC.T03

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



PHAN VĂN TIẾN

HỌ TÊN, CHỮ KÝ CỦA THÀNH VIÊN THAM GIA KIỂM PHIẾU

❖ Ban kiểm phiếu:

1. Bà Đinh Thị Quỳnh Hoa

Đinh Thị Quỳnh Hoa

2. Bà Trần Ngô Thảo My

Trần Ngô Thảo My

3. Ông Ngô Thanh Trì

Ngô Thanh Trì

❖ Chứng kiến kiểm phiếu:

1. Bà Phạm Thị Thu Thủy

Phạm Thị Thu Thủy

2. Bà Phạm Thị Phương

Phạm Thị Phương

3. Ông Lê Quang Ngân

Lê Quang Ngân

PHỤ LỤC DANH SÁCH CỔ ĐÔNG THAM GIA BIỂU QUYẾT

(Kèm theo biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản số 03/2025/BB-ĐHĐCĐ ngày 12/8/2025).

Stt	Mã cổ đông ủy quyền	Họ và tên cổ đông ủy quyền	Mã cổ đông biểu quyết	Họ và tên cổ đông biểu quyết	Số lượng phiếu biểu quyết sở hữu	Số lượng phiếu biểu quyết nhận ủy quyền	Tổng số lượng phiếu biểu quyết đại diện	Tỷ lệ
1	-	-	ILB.000503	NGUYỄN CHÍ TÙNG	17.617	0	17.617	0,0461%
2	-	-	ILB.000594	NGUYỄN THỊ BÍCH VÂN	8.000	0	8.000	0,0209%
3	-	-	ILB.000580	NGUYỄN THÀNH NHÂN	14.000	0	14.000	0,0366%
4	-	-	ILB.000982	TRẦN THỊ LAN PHƯƠNG	6.000	0	6.000	0,0157%
5	-	-	ILB.001128	ĐINH QUỐC TRƯỜNG	14.236	0	14.236	0,0373%
6	-	-	ILB.000603	NGUYỄN THỊ HỒNG	4.677	0	4.677	0,0122%
7	-	-	ILB.001176	ĐÀO THỊ LÊ MAI	6.000	0	6.000	0,0157%
8	-	-	ILB.001039	TẠ VĂN THIỆU	8.000	0	8.000	0,0209%
9	-	-	ILB.001098	VŨ THÀNH LUÂN	8.000	0	8.000	0,0209%
10	-	-	ILB.001003	TRẦN VĂN DUY	8.000	0	8.000	0,0209%
11	-	-	ILB.000779	PHẠM THỊ THU THỦY	6.000	0	6.000	0,0157%
12	-	-	ILB.000201	LÊ VĂN VIỆT	5.494	0	5.494	0,0144%

Stt	Mã cổ đồng ủy quyền	Họ và tên cổ đông ủy quyền	Mã cổ đông biểu quyết	Họ và tên cổ đông biểu quyết	Số lượng phiếu biểu quyết sở hữu	Số lượng phiếu biểu quyết nhận ủy quyền	Tổng số lượng phiếu biểu quyết đại diện	Tỷ lệ
13	-	-	ILB.000237	LÊ QUANG LONG	5.380	0	5.380	0,0141%
14	-	-	ILB.000246	LÊ THỊ HƯƠNG	1.512	0	1.512	0,0040%
15	-	-	ILB.000604	NGUYỄN THỊ HỒNG GẮM	4.677	0	4.677	0,0122%
16	-	-	ILB.001217	ĐỖ HUY NINH	4.677	0	4.677	0,0122%
17	-	-	ILB.000619	NGUYỄN THỊ NGUYỆT MAI	3.000	0	3.000	0,0079%
18	-	-	ILB.001175	ĐÀO THỊ HOA	4.677	0	4.677	0,0122%
19	-	-	ILB.001123	VŨ ĐỨC HẬU	4.677	0	4.677	0,0122%
20	-	-	ILB.000728	NGÔ ANH TUẤN	10.000	0	10.000	0,0262%
21	-	-	ILB.000245	LÊ THỊ HOA	10	0	10	0,0000%
22	-	-	ILB.000857	PHẠM THỊ QUỲNH	4.677	0	4.677	0,0122%
23	-	-	ILB.000395	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	4.677	0	4.677	0,0122%
24	-	-	ILB.001106	VŨ THỊ TRANG	1.142	0	1.142	0,0030%
25	-	-	ILB.000981	TRẦN THỊ LAN	6.805	0	6.805	0,0178%
26	-	-	ILB.000241	LÊ QUỲNH QUANG	10.004	0	10.004	0,0262%
27	-	-	ILB.001173	ĐÀO HUY BIÊN	6.000	0	6.000	0,0157%
28	-	-	ILB.000733	NGÔ QUỐC TUẤN	8.695	0	8.695	0,0228%
29	-	-	ILB.000841	PHẠM THANH TÙNG	8.000	0	8.000	0,0209%
30	-	-	ILB.000936	TRƯƠNG NGUYỄN TÂN	6.000	0	6.000	0,0157%
31	-	-	ILB.001010	TRẦN VĂN TRƯỜNG	8.000	0	8.000	0,0209%

Stt	Mã cổ đồng ủy quyền	Họ và tên cổ đồng ủy quyền	Mã cổ đồng biểu quyết	Họ và tên cổ đồng biểu quyết	Số lượng phiếu biểu quyết sở hữu	Số lượng phiếu biểu quyết nhận ủy quyền	Tổng số lượng phiếu biểu quyết đại diện	Tỷ lệ
32	-	-	ILB.000252	LÊ THỊ KIỀU OANH	4.677	0	4.677	0,0122%
33	-	-	ILB.000387	NGUYỄN THỊ BÍCH LY	1.535	0	1.535	0,0040%
34	-	-	ILB.001194	ĐẶNG VĂN ĐÔNG	1.050	0	1.050	0,0027%
35	-	-	ILB.001111	VŨ TIẾN THÀNH	6.000	0	6.000	0,0157%
36	-	-	ILB.000264	LÊ THỊ PHƯỢNG	9.354	0	9.354	0,0245%
37	-	-	ILB.000781	PHẠM THỊ THỦY TIỀN	3.025	0	3.025	0,0079%
38	-	-	ILB.000807	PHAN THỊ THỦY	4.677	0	4.677	0,0122%
39	-	-	ILB.000094	HOÀNG ANH TÍCH	3.118	0	3.118	0,0082%
40	-	-	ILB.000940	TRƯƠNG THỊ NGHĨA	8.000	0	8.000	0,0209%
41	-	-	ILB.001012	TRẦN XUÂN CƯỜNG	6.000	0	6.000	0,0157%
42	-	-	ILB.000238	LÊ QUANG NGÂN	6.000	0	6.000	0,0157%
43	-	-	ILB.000125	HÀ NGỌC TÍNH	6.000	0	6.000	0,0157%
44	-	-	ILB.000049	CAO TRƯỜNG THÀNH	6.237	0	6.237	0,0163%
45	-	-	ILB.000202	LÊ ĐẶNG QUỲNH TRANG	4.832	0	4.832	0,0126%
46	-	-	ILB.000212	LÊ CAO THỊNH	124	0	124	0,0003%
47	-	-	ILB.000204	LÂM THỊ DIỄM TRINH	63.326	0	63.326	0,1658%
48	-	-	ILB.000265	LÊ THỊ THANH LAN	15.825	0	15.825	0,0414%

Stt	Mã cổ đồng ủy quyền	Họ và tên cổ đông ủy quyền	Mã cổ đông biểu quyết	Họ và tên cổ đông biểu quyết	Số lượng phiếu biểu quyết sở hữu	Số lượng phiếu biểu quyết nhận ủy quyền	Tổng số lượng phiếu biểu quyết đại diện	Tỷ lệ
49	-	-	ILB.000294	LƯU QUANG CHÍNH	3.273	0	3.273	0,0086%
50	-	-	ILB.000385	NGUYỄN THÊ CHIẾN	4.695	0	4.695	0,0123%
51	-	-	ILB.000762	PHẠM HỮU TUẤN	7.561	0	7.561	0,0198%
52	-	-	ILB.000688	NGUYỄN VĂN MINH	6.334	0	6.334	0,0166%
53	-	-	ILB.000805	PHAN THỊ THANH THIÊN	4.092	0	4.092	0,0107%
54	-	-	ILB.000972	TRẦN THỊ DUNG	7.989	0	7.989	0,0209%
55	-	-	ILB.000425	NGUYỄN THỌ VŨ	2.017	0	2.017	0,0053%
56	-	-	ILB.000420	NGUYỄN THỊ THU VÂN	1.582	0	1.582	0,0041%
57	-	-	ILB.000831	PHẠM NGỌC THÀNH HIỆU	6.000	0	6.000	0,0157%
58	-	-	ILB.000445	NGUYỄN VĂN HẰNG	6.549	0	6.549	0,0171%
59	-	-	ILB.000559	NGUYỄN PHÚ CHÂU	6.000	0	6.000	0,0157%
60	-	-	ILB.000573	NGUYỄN THANH NHÃ	10.500	0	10.500	0,0275%
61	-	-	ILB.000953	TRẦN NGHĨA SĨ	7.155	0	7.155	0,0187%
62	-	-	ILB.000954	TRẦN NGHĨA SĨ DIỆN	4.032	0	4.032	0,0106%
63	-	-	ILB.000955	TRẦN NGHĨA SĨ THOẠI	33.975	0	33.975	0,0889%
64	-	-	ILB.000983	TRẦN THỊ LỆ HÀ	9.743	0	9.743	0,0255%

Stt	Mã cổ đồng ủy quyền	Họ và tên cổ đông ủy quyền	Mã cổ đông biểu quyết	Họ và tên cổ đông biểu quyết	Số lượng phiếu biểu quyết sở hữu	Số lượng phiếu biểu quyết nhận ủy quyền	Tổng số lượng phiếu biểu quyết đại diện	Tỷ lệ
65	-	-	ILB.001006	TRẦN VĂN MÁCH	3.374	0	3.374	0,0088%
66	-	-	ILB.001020	TRỊNH VĂN TRỌNG	11.692	0	11.692	0,0306%
67	-	-	ILB.000929	TRỊNH THỊ OAI	1.559	0	1.559	0,0041%
68	-	-	ILB.001073	VŨ TIỀN DŨNG	3.118	0	3.118	0,0082%
69	-	-	ILB.001077	VŨ VĂN DƯƠNG	5.022	0	5.022	0,0131%
70	-	-	ILB.001097	VŨ QUỐC HẢI	8.185	0	8.185	0,0214%
71	-	-	ILB.001183	ĐẶNG HỮU CHINH	4.077	0	4.077	0,0107%
72	-	-	ILB.001185	ĐẶNG QUANG CẢNH	3.722	0	3.722	0,0097%
73	-	-	ILB.000456	NGUYỄN VĂN TUẤN	2.765	0	2.765	0,0072%
74	ILB.000090	HUỖNH THANH TÙNG	ILB.000800	PHAN ANH TUẤN	0	100.000	100.000	0,2618%
75	ILB.000938	TRƯƠNG QUANG QUÝT	ILB.000800	PHAN ANH TUẤN	0	266	266	0,0007%
76	ILB.000334	NGUYỄN BÍCH HÒA	ILB.000800	PHAN ANH TUẤN	0	330.137	330.137	0,8642%
77	-	-	ILB.000800	PHAN ANH TUẤN	30.590	0	30.590	0,0801%
78	ILB.001236	CÔNG TY TNHH MTV TỔNG CÔNG TY TÂN CẢNG SÀI GÒN	ILB.000800	PHAN ANH TUẤN	0	3.942.633	3.942.633	10,3212%
79	-	-	ILB.000753	PHAN VĂN TIỀN	22.000	0	22.000	0,0576%
80	ILB.001236	CÔNG TY TNHH MTV TỔNG CÔNG	ILB.000753	PHAN VĂN TIỀN	0	13.751.817	13.751.817	36,0000%

Stt	Mã cổ đồng ủy quyền	Họ và tên cổ đông ủy quyền	Mã cổ đông biểu quyết	Họ và tên cổ đông biểu quyết	Số lượng phiếu biểu quyết sở hữu	Số lượng phiếu biểu quyết nhận ủy quyền	Tổng số lượng phiếu biểu quyết đại diện	Tỷ lệ
		TY TÂN CẢNG SÀI GÒN						
81	ILB.001236	CÔNG TY TNHH MTV TỔNG CÔNG TY TÂN CẢNG SÀI GÒN	ILB.000720	NGUYỄN ĐỨC ANH		1.909.975	1.909.975	5,0000%
	TỔNG CỘNG				576.015	20.034.828	20.610.843	53,9558%

TCT TÂN CẢNG SÀI GÒN
CÔNG TY CỔ PHẦN
ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH
Số: 1143 /TTr-ICDLB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 04 tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v lựa chọn đơn vị soát xét BCTC bán niên 2025 và BCTC kiểm toán năm 2025.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP ICD Tân Cảng - Long Bình.

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Điều lệ của Công ty cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình;
- Danh sách công ty kiểm toán được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng trong lĩnh vực chứng khoán năm 2025.
- Văn bản đề xuất, kiến nghị của Ban Kiểm soát về việc lựa chọn danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện soát xét BCTC bán niên 2025 và kiểm toán BCTC của Công ty năm 2025.

ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 đã thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH PwC (Việt Nam) là đơn vị soát xét và kiểm toán BCTC năm 2025. Tuy nhiên, trong quá trình đàm phán hoàn thiện hợp đồng, hai bên đã không đạt được thỏa thuận về các điều khoản trọng yếu liên quan đến phạm vi công việc và chi phí dịch vụ.

Do đó, để đảm bảo công tác soát xét BCTC bán niên 2025 và kiểm toán BCTC năm 2025 được diễn ra đúng tiến độ, khách quan, minh bạch và tuân thủ quy định, việc lựa chọn một đơn vị kiểm toán thay thế là yêu cầu cấp thiết.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách công ty kiểm toán để thực hiện soát xét Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất bán niên năm 2025 và kiểm toán Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2025, thay thế cho đơn vị kiểm toán PwC cụ thể như sau:

I. Tiêu chí lựa chọn:

1. Là công ty kiểm toán hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
2. Nằm trong Danh sách doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán của Bộ Tài chính và Danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng trong lĩnh vực chứng khoán năm 2025 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

1/

3. Là đơn vị kiểm toán có đội ngũ kiểm toán viên trung thực, đề cao đạo đức nghề nghiệp, có trình độ, kinh nghiệm kiểm toán các Báo cáo tài chính liên quan đến ngành nghề của Công ty.

II. Danh sách Công ty kiểm toán độc lập đáp ứng tiêu chí lựa chọn:

1. Công ty TNHH KPMG
2. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
3. Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

III. Đề xuất

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông năm 2025 thông qua những nội dung sau:

1. Thông qua các tiêu chí lựa chọn tại mục I
2. Thông qua danh sách công ty kiểm toán độc lập tại mục II
3. Giao Giám đốc Công ty căn cứ vào các tiêu chí và danh sách tại Mục I và II để đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán phù hợp, trình HĐQT thông qua; đồng thời bảo đảm tuân thủ thời gian công bố thông tin BCTC bán niên và BCTC năm, chất lượng kiểm toán.
4. Giao Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn công ty kiểm toán độc lập phù hợp với quy định của pháp luật, với tiêu chí và danh sách nêu tại mục I và II.
5. Giao Giám đốc Công ty triển khai các công tác liên quan đến ký kết, thực hiện hợp đồng theo quy định của pháp luật sau khi HĐQT quyết định lựa chọn công ty kiểm toán độc lập.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét.

Xin chân thành cảm ơn! /v

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



Phan Văn Tiến

TCT TÂN CẢNG SÀI GÒN
CÔNG TY CỔ PHẦN
ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH
Số: 1142 /TTr-ICDLB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 04 tháng 7 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v thông qua Chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh,
kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm giai đoạn 2021-2025.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP ICD Tân Cảng - Long Bình.

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Điều lệ của Công ty cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình;

Nhằm đảm bảo tuân thủ chặt chẽ Điều lệ Công ty và nâng cao hiệu quả trong công tác quản trị doanh nghiệp, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm giai đoạn 2021-2025 của Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Long Bình (gọi tắt "Chiến lược 5 năm").

(Đính kèm chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm giai đoạn 2021-2025)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét.

Xin chân thành cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT



Phan Văn Tiến



**CHIẾN LƯỢC,
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH,
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
GIAI ĐOẠN 2021-2025**



CHIẾN LƯỢC, KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH, KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025

PHẦN I

TỔNG QUAN VỀ DOANH NGHIỆP VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIAI ĐOẠN 2016-2020

I. TỔNG QUAN VỀ DOANH NGHIỆP

1. Quá trình hình thành và phát triển của doanh nghiệp

Là thành viên của Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn, đơn vị hàng đầu về khai thác cảng, dịch vụ biển và Logistics, ICD Tân Cảng - Long Bình được thành lập ngày 07/08/2007, đóng quân tại phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, địa danh ví như “bản lề chiến lược” về kinh tế, xã hội, quốc phòng an ninh, được bao bọc bởi Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Bình Thuận, Bình Dương, Bình Phước, Bà Rịa - Vũng Tàu; là một mắt xích quan trọng để hoàn thiện chuỗi dịch vụ cung ứng của Tân Cảng Sài Gòn, cung cấp cho khách hàng các giải pháp kho vận và Logistics hiệu quả nhất với chi phí cạnh tranh trên thị trường.

Với tầm nhìn chiến lược, Đảng ủy, Ban Tổng giám đốc TCT TCSG xác định ICD Tân Cảng -Long Bình có tiềm năng rất lớn trong chiến lược phát triển, mở rộng miền hậu phương, hoàn thiện chuỗi cung ứng dịch vụ cảng biển và logistics của TCT TCSG; trở thành địa điểm phát triển lưỡng dụng kết hợp kinh tế với quốc phòng. Lãnh đạo TCT TCSG đã đề nghị và được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng tin tưởng giao cho 230ha đất để đầu tư kinh doanh kho, bãi và các dịch vụ GTGT, phục vụ nhu cầu xuất, nhập hàng hóa của các doanh nghiệp tỉnh Đồng Nai và các tỉnh phụ cận.

Với tầm nhìn trở thành trung tâm Logistics hàng đầu khu vực, kể từ khi mới thành lập công ty luôn tập trung phát triển các dịch vụ cốt lõi như: Cung cấp các dịch vụ cảng thông quan nội địa (ICD), kinh doanh kho bãi gồm kho ngoại quan, kho CFS, kho lạnh, kho tổng hợp, trung tâm phân phối; xếp dỡ, lưu giữ, phân phối hàng hóa xuất nhập khẩu; Dịch vụ hải quan; dịch vụ giao nhận, vận chuyển hàng dự án, hàng siêu trường/siêu trọng... Đại lý giao nhận và vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu bằng đường bộ, đường biển, đường hàng không, vận tải liên vận chuyên tuyến quốc tế và nội địa.

Công ty CP ICD Tân Cảng - Long Bình hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3601033213, đăng ký lần đầu ngày 23/07/2008 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai 07 lần cấp bổ xung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do thay đổi mã số doanh nghiệp, bổ xung ngành nghề kinh doanh, thay đổi vốn điều lệ và thay đổi chủ tài khoản. Trải qua 13 năm xây dựng và phát triển, đến nay Công ty cổ phần ICD Tân cảng Long Bình là Công ty thành viên có doanh thu lớn trong hệ thống Tổng công ty TCSG; Từ 2019 là công ty đại chúng, có niêm yết giao dịch cổ phiếu trên

sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE); là nhà khai thác kho hàng có quy mô lớn nhất khu vực.

2. Vốn điều lệ

Vốn thực góp đến thời điểm báo cáo (số lượng cổ phần, giá trị, tỷ lệ nắm giữ): 245.022.450.000 đồng tương đương 24.502.245 cổ phần. Công ty TNHH 1 thành viên Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn: 12.575.000 CP tương đương 125.750.000.000 đồng, 51,32% VDL

3. Cơ cấu quản trị của doanh nghiệp

3.1 Thành phần Hội đồng quản trị/ HĐQT (Họ và tên)

Ông Trần Triệu Phú, Chủ tịch HĐQT
Ông Phan Anh Tuấn, Thành viên HĐQT
Ông Phạm Văn Phòng, Thành viên HĐQT
Ông Cao Ngọc Đức, Thành viên HĐQT

3.2 Ban kiểm soát (Họ và tên)

Ông Nguyễn Đức Khiêm, Trưởng ban kiểm soát
Ông Trần Nghĩa Sĩ, Thành viên Ban kiểm soát
Ông Thái Hoàng Lam, Thành viên Ban kiểm soát

3.3 Ban Điều hành (BGĐ, KTT)

Ông Phan Anh Tuấn, Giám đốc
Bà Đoàn Thị Hằng, Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Thành Nhân, Phó Giám đốc
Ông Lê Quỳnh Quang, Kế toán trưởng kiêm TP. TCKT

3.4 Người đại diện theo pháp luật: ông Phan Anh Tuấn, Giám đốc công ty

4. Thông tin về Người đại diện vốn của TCSG tại doanh nghiệp:

Ông Trần Triệu Phú Chức danh Chủ tịch, đại diện 8.820.808 CP tương đương 36% VDL
Ông Phan Anh Tuấn, TV HĐQT kiêm Giám đốc, đại diện 3.754.192 CP tương đương 15,32% VDL
Ông Nguyễn Đức Anh, đại diện 1.225.112 CP tương đương 5,00 % VDL

5. Ngành nghề kinh doanh

STT	(Mã) Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh
1	8230 Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: tổ chức hội trợ, triển lãm, hội nghị, hội thảo
2	4669 Bán buôn chuyên doanh khác Chi tiết: Bán buôn nguyên phụ liệu sản xuất

STT	(Mã) Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh
3	5222 Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy
4	7710 Cho thuê xe có động cơ
5	0163 Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch Chi tiết: Làm sạch, phân loại nông sản
6	5224 Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: Xếp dỡ hàng hóa, container
7	5229 Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Đại lý giao nhận hàng hóa; Đại lý vận tải; Kiểm kiện, kiểm nghiệm, giám định, bảo hiểm hàng hóa; Dịch vụ cung ứng tàu biển, tiếp nhận bảo quản hàng hóa, máy móc; Dịch vụ tư vấn về giao nhận vận tải, xuất nhập khẩu, thông tin thị trường; Kinh doanh dịch vụ logistics; Kinh doanh vận tải đa phương thức -Gửi hàng, sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường bộ, đường biển; đại lý thủ tục hải quan,; môi giới tàu biển và máy bay, lấy mẫu, cân hàng hóa
8	4933 Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
9	5012 Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương
10	5022 Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
11	5210 Kho bãi và lưu trữ hàng hóa (ngành chính) Chi tiết: Kho bãi và lưu trữ hàng hóa, dịch vụ phân loại, lưu trữ hàng hóa và container
12	8292 Dịch vụ đóng gói: Dịch vụ đóng gói hàng hóa, đóng gói hàng container
13	6810 Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Chi tiết: kinh doanh bất động sản, kinh doanh kho bãi
14	4649 Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hàng thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng
15	4641 Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép Chi tiết: Bán buôn sản phẩm may mặc, giày dép
16	4659 Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn phương tiện vận tải, máy móc
17	5225 Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ

STT	(Mã) Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh
18	5320 Chuyển phát Chi tiết: dịch vụ chuyển phát nhanh (trừ dịch vụ chuyển phát thư)
19	8110 Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp
20	8130 Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan
21	5221 Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt
22	7730 Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dụng hữu dụng khác: Chi tiết: cho thuê phương tiện vận tải, container, thiết bị xếp dỡ, cho thuê pallet
23	4610 Đại lý, môi giới, đấu giá: Chi tiết: Đại lý, ký gửi hàng hóa, môi giới

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ GIAI ĐOẠN 2016-2020

1. Đánh giá tổng quan về kết quả thực hiện nhiệm vụ

1.1 Hoàn thành tốt nhiệm vụ quân sự - quốc phòng

Quán triệt sâu sắc quan điểm, đường lối của Đảng về kết hợp Quốc phòng với kinh tế; ICDLB luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ QSQP thường xuyên và đột xuất; duy trì nghiêm các chế độ trực, tổ chức tuần tra, canh gác, kiểm soát chặt chẽ người, phương tiện ra vào cổng, triển khai thành công bước đầu mô hình Trung tâm an ninh kết nối hệ thống camera; hiệp đồng chặt chẽ với các LLVT, chính quyền địa phương trên địa bàn đóng quân, đảm bảo an ninh, an toàn đơn vị và an toàn hàng hóa, tạo điều kiện cho đơn vị thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện, góp phần khẳng định chủ trương đường lối đúng đắn của Đảng, Nhà nước, Quân Đội về nhiệm vụ phát triển kinh tế gắn với Quốc phòng an ninh.

1.2 Hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh

Mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức song Công ty đã triển khai quyết liệt nhiều chủ trương giải pháp quản lý điều hành, mở rộng sản xuất đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại, đã đạt được những kết quả to lớn về sản xuất kinh doanh, đánh dấu một giai đoạn phát triển mạnh mẽ, khẳng định bản lĩnh trí tuệ và sức sáng tạo của toàn thể cán bộ, công nhân viên trong toàn đơn vị.

1.3 Công tác đầu tư đáp ứng yêu cầu mở rộng SXKD trước mắt và trong tương lai.

Công ty chú trọng đầu tư và phát triển năng lực cung cấp dịch vụ kinh doanh cốt lõi là dịch vụ Kho/ Bãi và logistics. Các mục đầu tư chủ yếu là xây dựng kho hàng, đầu tư, mua sắm các trang thiết bị và công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả điều hành, khai thác dịch vụ trong đơn vị.

Đơn vị tuân thủ theo Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/13 Quốc hội khoá 13 kỳ họp thứ 6; Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu

a. Danh mục đầu tư (ĐVT: triệu đồng)

STT	Nội dung đầu tư	GTĐT	Thời gian thực hiện đầu tư					Ghi chú
			2016	2017	2018	2019	2020	
1	Xây dựng kho 9A	13.450		3.800				
2	Xây dựng kho 19	57.075		15.300				
3	Xây dựng kho 21	45.547		12.875				
4	Xây dựng kho 22	54.166			16.200			
5	Xây dựng kho 1-2-DVLB	107.077				31.500		
6	Xây dựng kho HC 5B, 15A	42.255					11.200	
7	Xây dựng kho 24,25 – DVLB	210.909					44.000	Tiếp tục triển khai trong 2021
8	Xe nâng hàng các loại							
	Xe nâng điện	5.133	5					
	Xe nâng dầu	5.440				10		

b. Đánh giá hiệu quả đầu tư các dự án trên

Trong giai đoạn 2016-2020, hệ thống kho ICDLB đã khai thác trung bình trên 95% diện tích. Nguồn thu từ dịch vụ kho, bãi và logistics: Khách hàng ký Hợp đồng thuê kho với thời hạn tối thiểu 10 năm với giá thuê kho thuần: 2.5-3.1 USD/m2/tháng; ICDLB thực hiện 100% dịch vụ logistics kho hàng, dịch vụ vận tải, dịch vụ Logistics... Toàn bộ sản lượng hàng hóa xuất nhập qua 2 kho phải thông qua hệ thống cảng của Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn

Các dự án đi vào hoạt động đã bảo đảm hiệu quả khai thác khu đất 105 Ha được nhận bàn giao từ Tổng công ty. Tăng nguồn cung diện tích kho, phục vụ phát triển ICDLB sang Khu dịch vụ Long Bình, kết nối với hệ thống kho hiện hữu; bảo đảm giữ vững thị phần của ICDLB, thương hiệu Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn trong Khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam.

STT	NỘI DUNG	2016-2020
1	Doanh thu thuần	1.883.771
2	Lợi nhuận trước thuế	355.745
3	Lợi nhuận sau thuế	286.760
4	Thu nộp ngân sách	247.613

1.4 Các hình thức đã được khen thưởng:

* Danh hiệu thi đua

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định; cơ quan ban hành
2017	Huân chương Lao động hạng 3	Thủ tướng chính phủ

2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016-2020

a) Tổ hợp công ty mẹ - Công ty con (sử dụng số liệu hợp nhất)

Bảng 1: Kết quả sản xuất kinh doanh (ĐVT: triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Doanh thu thuần	352.252	380.672	429.505	418.817	455.588
2	Lợi nhuận trước thuế	69.525	79.504	87.681	81.953	85.837
3	Lợi nhuận sau thuế	55.527	63.491	70.142	65.452	69.268
4	Thu nộp ngân sách	48.492	48.658	52.808	58.572	66.229
	Nộp ngân sách NN	37.849	37.360	41.368	31.909	50.271
	Nộp ngân sách QP	10.643	11.297	11.439	26.662	15.958
5	Thu nhập bình quân của NLĐ	14,10	17,13	18,84	17,56	17,29

Bảng 2: Tình hình tài chính doanh nghiệp (ĐVT: triệu đồng)

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Vốn điều lệ	187.000	187.000	245.022	245.022	245.022
2	Vốn chủ sở hữu	305.081	328.914	415.729	428.618	442.807
3	Tổng giá trị tài sản	1.050.701	1.079.763	1.268.624	1.504.579	1.439.488
4	Nợ phải trả	745.620	750.849	852.894	1.075.960	996.680

Bảng 3: Cơ cấu tài sản

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	14,88%	15,58%	19,64%	20,56%	18,16%
2	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	85,12%	84,42%	80,36%	79,44%	81,84%
3	Các khoản phải thu/Tổng tài sản	11,08%	11,14%	12,49%	14,12%	7,85%

Bảng 4: Cơ cấu nguồn vốn

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	70,96%	69,54%	67,23%	71,51%	69,24%
2	Nợ ngắn hạn/Tổng nguồn vốn	22,98%	21,05%	18,51%	21,01%	21,37%
3	Vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	29,04%	30,46%	32,77%	28,9%	30,76%
4	Nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu	244,40%	228,28%	205,16%	251,03%	225,08%
5	Nợ ngắn hạn/Tổng nợ phải trả	32,39%	30,27%	27,53%	29,39%	30,86%
6	Nợ dài hạn/Tổng nợ phải trả	67,61%	69,73%	72,47%	70,61%	69,14%

Bảng 5: Chỉ tiêu lợi nhuận

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần	34,33%	36,61%	35,18%	36,38%	34,66%
2	Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh /Doanh thu thuần	19,74%	20,89%	20,41%	19,57%	18,83%
3	Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	18,20%	19,30%	16,87%	15,27%	15,64%
4	Lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản	6,95%	7,73%	7,20%	5,63%	4,81%

b) Đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Đến thời điểm hiện tại, các khoản đầu tư ra ngoài doanh nghiệp như sau:

- Đầu tư vào công ty con: Công ty CP tiếp vận Thành Long: 20.400 triệu đồng, nắm giữ 51% vốn điều lệ. Đánh giá hiệu quả: tốt. cụ thể như sau (ĐVT: triệu đồng):

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	Tỉ lệ cổ tức/vốn góp
-----	----------	---------	----------------------

1	Cổ tức được chia năm 2016	2.040	10%
2	Cổ tức được chia năm 2017	2.040	10%
3	Cổ tức được chia năm 2018	3.060	15%
4	Cổ tức được chia năm 2019	3.060	15%
5	Cổ tức được chia năm 2020	3.060	15%

– Đầu tư mua cổ phiếu Ngân hàng Quân đội (Qua Tổng Công ty): Số lượng: 377.848 Cổ phiếu; Giá trị đầu tư 5.238,21 triệu đồng. Đánh giá hiệu quả: bảo toàn vốn.

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	Tỉ lệ cổ tức/vốn góp
1	Cổ tức được chia năm 2016	227,27	4,34%
2	Cổ tức được chia năm 2017	238,64	4,56%
3	Cổ tức được chia năm 2018	283,98	5,42%
4	Cổ tức được chia năm 2019	Chia bằng cổ phiếu	
5	Cổ tức được chia năm 2020	Chia bằng cổ phiếu	

– Đầu tư góp vốn vào công ty CP đầu tư ICD Tân Long 2.000 triệu đồng nắm giữ 8% vốn điều lệ. Đánh giá kết quả đầu tư: tốt. cụ thể như sau (ĐVT: triệu đồng):

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	Tỉ lệ cổ tức/vốn góp
1	Cổ tức được chia năm 2016	0	0
2	Cổ tức được chia năm 2017	71,1	3,55%
3	Cổ tức được chia năm 2018	111,93	5,6%
4	Cổ tức được chia năm 2019	129,98	6,5%
5	Cổ tức được chia năm 2020	300	15%

PHẦN II

MÔI TRƯỜNG HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

I. ĐÁNH GIÁ CÁC NGUỒN LỰC CỦA DOANH NGHIỆP

1. Nhân lực

Năm 2020, số lao động bình quân dự kiến 248 người, Sỹ quan và Quân nhân chuyên nghiệp là 5 người.

Với nguồn lực nhân sự hiện tại cũng như năng lực, kinh nghiệm trong quản lý, điều hành khai thác trong nhiều năm qua, đơn vị đảm bảo đáp ứng điều kiện sản xuất kinh doanh, cụ thể năm 2020 thu nhập bình quân người lao động đạt 17,04 triệu đồng/người/tháng.

Đơn vị luôn tập trung chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân sự nhằm nâng cao trình độ quản lý, trình độ chuyên môn, thích nghi môi trường kinh doanh trong thời kỳ hội nhập. Đặc biệt chú trọng công tác chăm lo đời sống vật chất tinh thần cho người lao động, tạo quyết tâm phát triển nghề nghiệp, có tinh thần trách nhiệm, tinh thần kỷ luật cao và chủ động trong công việc.

2. Trang bị, công nghệ

- Trong nhiều năm qua, đơn vị đã triển khai các phần mềm CNTT ứng dụng trong quản lý, cụ thể là phần mềm quản lý kho hàng (Infor.SCE của Mỹ dùng cho kho phân phối; BSM của VN phát triển dùng cho KNQ, KND), phần mềm quản lý container (CMS), phần mềm chấm công, nhân sự (HRM, Tanca), phần mềm kế toán, phần mềm quản lý doanh thu, tính phí... Từng bước đầu tư hệ thống camera an ninh.

3. Tình hình kinh doanh, tài chính Công ty mẹ

Bảng 6: Kết quả sản xuất kinh doanh (ĐVT: triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Doanh thu thuần	323.835	348.849	394.492	385.565	431.027
2	Lợi nhuận trước thuế	62.213	70.547	75.836	71.590	75.557
3	Lợi nhuận sau thuế	50.028	56.829	61.096	57.814	60.990
4	Thu nộp ngân sách	43.924	43.390	46.629	52.560	61.108
	Nộp ngân sách NN	33.281	32.093	35.189	25.898	45.150
	Nộp ngân sách QP	10.643	11.297	11.439	26.66	15.958
5	Thu nhập bình quân NLĐ	15,49	17,67	18,97	17,62	17,04
6	Tỉ lệ cổ tức hàng năm	15%	15%	15%	15%	15%

Bảng 7: Tình hình tài chính doanh nghiệp (ĐVT: triệu đồng)

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Vốn điều lệ	187.000	187.000	245.022	245.022	245.022
2	Vốn chủ sở hữu	272.352	292.565	373.431	383.181	393.648
3	Tổng giá trị tài sản	1.001.031	1.029.158	1.217.381	1.455.293	1.396.879
4	Nợ phải trả	728.678	736.592	843.950	1.072.111	1.003.230

Bảng 8: Cơ cấu tài sản

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	14,49%	14,74%	18,74%	19,68%	17,27%
2	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	85,51%	85,26%	81,26%	80,32%	82,73%
3	Các khoản phải thu/Tổng tài sản	11,08%	11,22%	12,61%	14,22%	7,89%

Bảng 9: Cơ cấu nguồn vốn

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	72,79%	71,57%	69,33%	73,67%	71,82%
2	Nợ ngắn hạn/Tổng nguồn vốn	23,42%	21,17%	18,50%	21,02%	21,58%
3	Vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	27,21%	28,43%	30,67%	26,33%	28,18%
4	Nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu	267,55%	251,77%	226%	279,79%	254,85%
5	Nợ ngắn hạn/Tổng nợ phải trả	32,18%	29,58%	26,69%	28,53%	30,04%
6	Nợ dài hạn/Tổng nợ phải trả	67,82%	70,42%	73,31%	71,47%	69,96%

Bảng 10: Chỉ tiêu lợi nhuận

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần	31,80%	34,03%	32,43%	34,17%	32,13%
2	Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh /Doanh thu thuần	19,21%	20,22%	19,22%	18,57%	17,52%
3	Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	18,37%	19,42%	16,36%	15,09%	15,49%
4	Lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản	5%	5,52%	5,02%	3,97%	4,37%

4. Sản phẩm dịch vụ

Đơn vị đang triển khai một số dịch vụ chính như sau:

- Các dịch vụ cho thuê Kho/bãi.
- Dịch vụ đóng rút hàng hóa tại kho hàng, bãi hàng.

- Quản lý hàng hóa.
- Thủ tục hải quan xuất nhập khẩu.
- Vận tải hàng hóa bằng container và hàng lẻ.
- Dịch vụ khai thác container rỗng và giao nhận container xuất nhập khẩu.

5. Thị trường, thị phần, thương hiệu, uy tín

Thương hiệu và uy tín TCSG nói chung và ICD Tân cảng Long Bình nói riêng ngày càng được nâng cao kể cả trong nước và quốc tế. Đặc biệt duy trì và phát triển tốt mối quan hệ với các hãng tàu và khách hàng xuất nhập khẩu góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho đơn vị tăng trưởng ổn định.

6. Tổng hợp điểm mạnh, điểm yếu

• Điểm mạnh

- Vị trí thuận lợi, gần các trung tâm sản xuất (Khu công nghiệp lớn của tỉnh) và không quá xa các cảng biển chính (Khu vực tp HCM và kv Bà Rịa Vũng Tàu).

- Là công ty thành viên trong hệ thống TCT TCSG, đã khẳng định giá trị thương hiệu trên thị trường cung ứng dịch vụ kho bãi và logistics, có lợi thế phát huy tính kết nối hệ thống về thương hiệu, thị trường, năng lực khai thác, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, nhân sự...

- Nguồn nhân lực trẻ, năng động, có năng lực, kinh nghiệm quản trị và khai thác điều hành Kho/Bãi; Còn nhiều cơ hội đầu tư trang thiết bị khai thác tiên tiến, hiện đại hóa công tác quản trị.

- Diện tích đất dự trữ còn đủ để tiếp tục đầu tư xây dựng trong 5 năm tới để cung ứng thêm diện tích kho hàng, bãi hàng phục vụ nhu cầu thị trường.

• Điểm yếu

- Cơ chế chính sách về nhân sự chưa có tính hấp dẫn để có thể thu hút và giữ chân những chuyên gia trong ngành (cơ chế lương thưởng, văn hóa đặc thù...)

- Mức độ ứng dụng công nghệ trong sản xuất chưa cao, chưa đáp ứng được nhu cầu ở một số lĩnh vực đặc thù.

- Vốn đầu tư phát triển không nhiều so với nhu cầu, áp lực chi phí tài chính lớn.

II. PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

1. Cơ hội

- Đơn vị đã triển khai đa dạng hóa dịch vụ gắn với dịch vụ lõi là khai thác Kho/Bãi; có thể cung cấp hầu hết các loại hình dịch vụ trong ngành.

- Quy mô diện tích kho hàng, bãi hàng rộng lớn, nguồn cung sẵn có; chức năng các kho hàng, bãi hàng, bãi container hoàn thiện, sẵn sàng đáp ứng tốt nhu cầu thị trường.

- Môi trường kinh doanh tốt, thu hút đầu tư nước ngoài và nền kinh tế tăng trưởng ổn định tạo điều kiện cho các doanh nghiệp logistics phát triển nói chung và của đơn vị nói riêng.

- Thương hiệu được biết đến và ngày càng có nhiều khách hàng là các công ty lớn trong ngành.

2. Thách thức

- Đơn vị tiếp tục đối mặt với áp lực cạnh tranh lớn trong khu vực, đặc biệt là cạnh tranh từ các nhà đầu tư nước ngoài đang dần hình thành các cơ sở hạ tầng tại VN để tự khai thác.
- Thay đổi công nghệ trong ngành ngày càng nhanh, đòi hỏi đơn vị phải thích nghi nhanh chóng để đáp ứng yêu cầu thị trường.
- Duy trì dòng tiền lành mạnh trong những thời điểm khó khăn do ảnh hưởng của những sự kiện đột biến, bất ngờ: thiên tai, dịch bệnh, suy thoái kinh tế.
- Khách hàng quan trọng giảm nhu cầu dịch vụ hoặc mất khách hàng quan trọng làm ảnh hưởng mạnh đến doanh thu/ lợi nhuận.

PHẦN III

MỤC TIÊU, CHIẾN LƯỢC, KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN 05 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025

I. MỤC TIÊU

- Là đơn vị lớn đứng vị trí top 30 trong ngành logistics Việt Nam, top 3 trong khai thác kho hàng.
- Đột phá trong ứng dụng công nghệ quản lý và khai thác Kho/Bãi.
- Hoàn thiện cơ sở hạ tầng, đầu tư khai thác hiệu quả Cơ sở hạ tầng trên các khu ĐQP của Tổng công ty, kết nối tốt với hệ thống cơ sở của TCg, phát triển thành trung tâm logistics lớn nhất Việt Nam.

II. ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC

1. Chiến lược kinh doanh (thị trường, sản phẩm và dịch vụ)

- Tập trung vào ngành nghề kinh doanh cốt lõi; giữ vị thế là đơn vị có quy mô dịch vụ về kho bãi cung ứng lớn nhất khu vực Đồng Nai; Bình Dương, Bà Rịa Vũng Tàu. Đến năm 2025, tổng diện tích kho hàng đạt khoảng 650,000 m²; Trong đó có 4,000 m² kho mát mới trong giai đoạn 2021 - 2023, trong điều kiện thuận lợi đạt 10,000 m² tới năm 2025; 14,400 m² kho hóa chất mới tới năm 2025; tỉ lệ phủ kín kho trung bình 95%.
- Tỉ lệ tham gia khai thác dịch vụ, cung ứng cho đối tác đạt trên 80% về số lượng, trong đó quản lý 100% cho khách hàng đạt tỷ lệ 50%.
- Ứng dụng công nghệ trong khai thác, nâng cao NSLĐ, giảm chi phí dịch vụ cho khách hàng để gia tăng sức cạnh tranh trong ngành. Từng bước gia tăng sức chứa, phục vụ một số ngành hàng có tính đặc thù cần hệ thống giá kệ và tùy biến theo nhu cầu khách hàng tại từng thời điểm.
- Khai thác hiệu quả dịch vụ container; phấn đấu sản lượng container thông qua ICD đạt trung bình 100,000 teus mỗi năm từ năm 2025. Đưa ICD trở thành cánh tay nối dài của các cảng hệ thống SNP.

2. Chiến lược đầu tư

- Đảm bảo chiến lược đầu tư theo đúng định hướng và chiến lược kinh doanh của TCT TCSG. Đơn vị xác định đầu tư trọng yếu vào ngành sản xuất kinh doanh cốt lõi Kho/Bãi; trong đó tăng dần đưa công nghệ trong khai thác dịch vụ, hướng đến dịch vụ theo chiều sâu. Xây dựng các giải pháp xây dựng “kho thông minh”, “thân thiện môi trường”. Kho có kệ để khai thác tối ưu diện tích và không gian, phục vụ cho một số mặt hàng đặc thù.
- Về phương tiện: đầu tư phương tiện chủ động đáp ứng khai thác dịch vụ container và đáp ứng yêu cầu làm hàng tại kho. Giảm dần dịch vụ thuê phương tiện ngoài (năm 2020 đơn vị đang sử dụng dịch vụ thuê ngoài gần 40 xe nâng);
- Đầu tư CNTT cho giám sát đảm bảo an ninh an toàn cảng, an toàn PCCN kho hàng.
- Đầu tư mới và đầu tư nâng cấp các phần mềm phục vụ quản trị hiệu quả (kho hàng, hành chính, nhân sự, quản lý kỹ thuật, phần mềm quản trị dữ liệu khách hàng).

a. Lộ trình dự kiến đầu tư:

ST T	Nội dung đầu tư	ĐVT	Thời gian dự kiến đầu tư					
			2020	2021	2022	2023	2024	2025
1	Xây dựng kho hóa chất	m2	11.200					
2	Xây dựng kho thường (Nội địa, ngoại quan và CFS) (khu 32ha)	m2	44.000		23.000	23.000		48.000
3	Xây dựng kho mát.	m2				4.000		
4	Đầu tư hệ thống rack, kệ để tăng dung lượng khai thác.	vị trí			15.300	15.300		
5	Đầu tư về CNTT - phần mềm quản lý kho	/m2	85.800	-	38.300	42.300	-	48.000
6	Đầu tư hệ thống CCTV an ninh	cái	91	115	40	20	10	20
7	Xe nâng các loại							
	Xe nâng điện	cái			5			
	Xe nâng điện tầng thấp	cái		5	5			
	Xe nâng dầu dưới 3 tấn	cái		5	5			
	Xe nâng dầu 5 tấn	cái		2	3			
	Xe nâng hàng tại bãi	cái		1				

b. Chi phí và tiến độ đầu tư hệ thống kho (ĐVT: triệu đồng)

STT	Nội dung đầu tư	Đvt	Số lượng	Tổng suất đầu tư
1	Xây dựng kho thường (Nội địa và CFS) (khu 32ha)	m2	138.000	661.487
2	Xây dựng kho mát.	m2	4.000	20.369
3	Xây dựng kho hóa chất	m2	11.200	42.255
Tổng chi phí đầu tư dự kiến				724.112

c. Đầu tư trang thiết bị (ĐVT: triệu đồng)

STT	Phương tiện	Số lượng	Chủng loại	Tổng đầu tư
1	Đầu tư hệ thống rack, kệ để tăng dung lượng khai thác.	30,600	Vị trí pallet/ ô kệ	32.130
2	Đầu tư về CNTT - phần mềm quản lý kho	214,400	m2	6.817
3	Đầu tư hệ thống CCTV an ninh	296	Cái camera	6.634
4	Xe nâng cont hàng	1	Phục vụ khai thác tại bãi	13.000
5	Xe nâng điện, reach truck	5	Càng cao 8-11,5m, Phục vụ khai thác kho kệ cao	6.000
6	Xe nâng điện tầng thấp	10	Càng cao dưới 4m, chui cont	9.000
7	Xe nâng dầu dưới 3 tấn	10	Càng cao dưới 4m, chui cont, dưới 3 tấn	8.000
8	Xe nâng dầu 5 tấn	5	Loại xe 5 tấn, chui cont	4.000
Tổng cộng				85.582

3. Chiến lược về vốn

Để đảm bảo vốn thực hiện các dự án đầu tư giai đoạn 2021-2025, ICDLB có những biện pháp như sau:

- Tìm kiếm các nguồn vốn hợp tác đầu tư kết hợp với việc tăng cường đánh giá hiệu quả, kiểm soát chặt chẽ chi phí đầu tư dự án; đẩy mạnh mô hình liên doanh liên kết với các đối tác có tiềm lực tài chính lớn để đảm bảo nguồn vốn triển khai và khai thác hiệu quả các dự án đầu tư.

- Tập trung đầu tư vào ngành nghề kinh doanh chính, thoái vốn tại các công ty con, công ty liên kết hoạt động kém hiệu quả. Đồng thời, đề xuất TCT tạo điều kiện về vốn đầu tư phát triển bằng cách giãn tiến độ trả nợ tiền CSHT của TCT trong giai đoạn 2020-2030.

- Xây dựng phương án tăng vốn điều lệ nhằm giúp công ty gia tăng năng lực tài chính, phục vụ nhu cầu đầu tư, kinh doanh. Khẳng định sự phát triển bền vững của công ty tạo niềm tin của các cổ đông, thiết lập sự tin tưởng với các đối tác.

- Về phương án tăng vốn góp: phát hành tăng vốn cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ phù hợp nhu cầu vốn đầu tư phát triển trong tương lai với giá tối thiểu bằng giá trị cổ phiếu trên sổ sách kế toán tại thời điểm thực hiện tăng vốn (Dự kiến vào khoảng từ 18.000 đến 20.000 đồng/cổ phiếu) nhằm đảm bảo phù hợp quyền lợi của cổ đông hiện

hữu, phù hợp yêu cầu nắm giữ 51% cổ phần của Tổng công ty và giảm áp lực chi trả cổ tức hàng năm.

Cụ thể: trong năm 2022 đề nghị phê duyệt kế hoạch tăng vốn để phục vụ mục đích bổ sung vốn lưu động và phục vụ đầu tư. Vốn chủ sở hữu sau khi phát hành: 350.000 triệu đồng (tăng thêm 104.977 triệu đồng). Thặng dư vốn tăng thêm sau phát hành: 83.982 triệu đồng. Số lượng cổ phiếu sau khi phát hành: 35 triệu cổ phiếu. Cụ thể:

Mã CP	Hình thức phát hành	Giá phát hành (đồng/cổ phiếu)	Thị giá thời điểm phát hành (đồng/cổ phiếu)	Khối lượng phát hành (cổ phiếu)	Giá trị vốn thu được sau phát hành	Thời gian phát hành dự kiến
ILB	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	18.000	25.000	10.497.755	188.959	Quý 1/2022

BẢNG CÂN ĐỐI DÒNG TIỀN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY SAU KHI THỰC HIỆN TĂNG VỐN

BẢNG 01: CÂN ĐỐI NGUỒN TRẢ NỢ GỐC NGÂN HÀNG

(DVT:triệu đồng)

NỘI DUNG/NGUỒN	KH 2021	KH 2022	KH 2023	KH 2024	KH 2025
LNST & Sau chia hợp tác LD	65.243	70.801	76.794	82.978	88.663
Trích quỹ KTPL (12,75%)	8.319	9.027	9.791	10.580	11.305
Trích TL, Thưởng HĐQT & Ban ĐH	424	447	473	499	522
Vốn Góp của cổ đông	245.025	350.000	350.000	350.000	350.000
Tỷ lệ chia cổ tức	15%	15%	15%	15%	15%
Số tiền chia cổ tức	36.753	52.500	52.500	52.500	52.500
Trích lập quỹ + LN để lại chưa phân phối	19.748	8.827	14.030	19.400	24.336
Khấu hao TSCĐ	58.082	68.801	67.024	65.895	62.562
Phân bổ chi phí thuê CSHT	17.627	17.627	17.627	17.627	17.627
Chi trả tiền nợ gốc	65.957	69.890	77.059	69.562	60.634
CÂN ĐỐI NGUỒN	29.498	25.364	21.622	33.359	43.891

BẢNG 2: CÂN ĐỐI NGUỒN TRẢ NỢ THUÊ CSHT TCT

(DVT: triệu đồng)

NỘI DUNG/NGUỒN	2020	KH 2021	KH 2022	KH 2023	KH 2024	KH 2025
Từ cân đối nguồn trả nợ gốc ngân hàng		29.498	25.364	21.622	33.359	43.891
Từ nguồn tăng vốn năm 2022			188.959			
Trả nợ Tiền thuê CSHT Tổng Công ty		87.323	69.278	69.159	58.294	58.294
Trả nợ Tiền thuê đất Tổng Công ty		30.825				
CÂN ĐỐI NGUỒN		(88.650)	145.045	(47.537)	(24.934)	(14.403)
CÂN ĐỐI NGUỒN LŨY KẾ	123.974	35.324	180.369	132.832	107.898	93.495

3.1. Thực hiện đầu tư dự án kho 24-25 - KDVLB

Để thực hiện đầu tư dự án kho số 24-25 theo trích Nghị quyết số 1904/NQ-HĐTV ngày 12/01/2021 của Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn về việc thông qua chủ trương Đầu tư xây dựng kho hàng số 24 & số 25 khu dịch vụ Long Bình. Ngoài việc tăng vốn theo phương án nêu trên, để đảm bảo nguồn vốn thực hiện đầu tư cũng như nguồn vốn lưu động đảm bảo cho việc hoạt động liên tục của đơn vị, ICDLB đề nghị phương án giãn nợ tiền thuê CSHT để đảm bảo vốn thực hiện Đầu tư xây dựng kho hàng số 24 & số 25 khu dịch vụ Long Bình. ICDLB sẽ làm việc với các phòng ban chức năng Tổng công ty và trình phương án giãn nợ cụ thể sau.

3.2. Thực hiện đầu tư các dự án khác theo chiến lược đầu tư 2021-2025

Các hạng mục đầu tư khác, Công ty CP ICD Tân cảng Long Bình sẽ cân đối nguồn vốn đầu tư từ vốn tự có, vốn vay ngân hàng và vốn từ hợp tác liên danh liên kết, đặc biệt từ các đối tác trong hệ thống Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn để phát huy khai thác hiệu quả CSHT do TCT giao, giữ vững thị phần khai thác Cảng. Chi tiết cụ thể về triển khai từng dự án sẽ có trong KHSXKD hàng năm cũng như Báo cáo nghiên cứu khả thi được HĐTV Tổng công ty phê duyệt trước khi thực hiện.

4. Chiến lược phát triển nguồn nhân lực

- Với chiến lược phát triển kinh doanh giai đoạn 2021 – 2025, Công ty CP ICD Tân cảng Long Bình hành có một số giải pháp trong phát triển nguồn nhân lực cụ thể như sau:

4.1. Tuyển dụng và thu hút nguồn nhân lực đáp ứng với hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị:

- Thực hiện theo chính sách của TCT, các trường hợp tuyển dụng phải bảo đảm “chuẩn đầu vào” của Công ty và phù hợp với sự cần thiết theo nhu cầu công việc.

- Đối với các vị trí đòi hỏi có trình độ chuyên môn cao, đơn vị tổ chức tuyển dụng rộng rãi, nhằm thu hút nhân sự chất lượng cao đồng thời có chính sách đặc thù dành cho lao động chất lượng cao này.

- Tập trung ưu tiên cho nhân lực: khối kinh doanh (Sale, CSKH), khối kiểm soát và tuân thủ.

- Gắn tuyển dụng với kế hoạch kinh doanh, đầu tư.

4.2. Xây dựng, sử dụng nguồn nhân lực hợp lý

- Thông qua đổi mới sắp xếp lại tổ chức biên chế, bao gồm các khối: khối kinh doanh – tài chính, khối vận hành, khối hỗ trợ, bảo đảm; Khối kiểm soát và tuân thủ.

- Thiết lập Bảng tiêu chuẩn công việc trong Hệ thống chức danh của Công ty, một nhân sự tinh thông công tác chuyên môn chính, và đảm nhiệm tốt các nhiệm vụ khác khi cần.

- Xây dựng đội ngũ nhân sự chất lượng cao (về nghiệp vụ kho - bãi, thông thạo ngoại ngữ, kỹ năng quản lý, điều hành và ứng dụng CNTT trong nghiệp vụ, kiến thức pháp lý và tài chính) cho các dự án, các chuỗi logistics phân phối và trao quyền chủ động, chịu trách nhiệm cho Nhóm trưởng và xây dựng chế độ đi kèm dành cho sự tiên phong đó.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị, giao việc, quy trình, minh bạch, công khai rõ ràng các chế độ cho Người lao động; hệ thống cảnh báo trong thực hiện chức năng nhiệm vụ của từng Phòng, từng Người lao động; kênh đối thoại cho Người lao động đối với Công ty, trao đổi các nghiệp vụ....

4.3. Giữ và phát triển nguồn nhân lực:

- Công tác huấn luyện đào tạo: Xây dựng các phương pháp đào tạo và phát triển nhân viên theo thực tiễn, song song đó mở các khóa kỹ năng, văn hóa, thể dục.... hướng đến lối sống tích cực, lạc quan, tư duy mở,...

- Thực hiện đánh giá sau đào tạo: đánh giá chất lượng nhân quản lý cấp trung, xác định mức độ thấm thấu kiến thức, xác định được nhân sự có tư tưởng cầu tiến và luôn học hỏi để hoàn thiện;

- Chế độ đãi ngộ lương thưởng: vận hành phù hợp với tình hình đơn vị trên cơ sở các chính sách về thu nhập NLD từ TCT.

5. Chiến lược quản trị doanh nghiệp

- Xây dựng, quản trị thương hiệu của đơn vị không chỉ tốt về chất lượng dịch vụ mà còn có kế hoạch truyền thông, quảng bá, bảo vệ thương hiệu trước những thông tin sai lệch bất lợi.

- Quản trị đơn vị đồng hành với văn hóa xây dựng của TCT, xây dựng đơn vị: Cách mạng, chính quy, hiện đại, văn minh, nghĩa tình; hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ quân sự, sản xuất kinh doanh, trở thành trung tâm logistics hàng đầu của TCT tại Đồng Nai.

- Chú trọng đầu tư về trang thiết bị đảm bảo an ninh an toàn hệ thống tài sản của công ty, giữ uy tín với khách hàng đối tác; nâng cao hiệu suất, hiệu quả khai thác tài sản.

- Tổ chức tốt lực lượng tuần tra, bảo vệ ranh mốc đất QP được giao; bảo vệ CSHT của TCT giao với vai trò là đơn vị sử dụng.

- Phân công nhân sự, chỉ huy trực tiếp phụ trách công tác dân vận tại địa bàn, phối hợp với các lực lượng trong cụm ĐQCP kịp thời xử lý các tình huống mất an toàn, mất an ninh trật tự trong địa bàn công ty quản lý.

III. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH GIAI ĐOẠN 2021-2025 CÔNG TY MẸ

Bảng 11: Kết quả sản xuất kinh doanh (ĐVT: triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Doanh thu thuần	478.092	550.443	598.222	652.041	713.619
2	Lợi nhuận trước thuế	80.637	87.701	95.193	102.923	110.028
3	Lợi nhuận sau thuế	65.243	70.801	76.794	82.978	88.663
4	Thu nộp ngân sách	56.850	58.499	61.220	63.907	65.835
	Nộp ngân sách NN	37.739	40.039	4.760	45.447	47.375
	Nộp ngân sách QP	19.110	19.110	19.110	19.110	19.110
5	Thu nhập bình quân của NLĐ	17,4	18,5	19,4	20,04	21,04

Bảng 12: Tình hình tài chính doanh nghiệp (ĐVT: triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Vốn điều lệ	245.022	245.022	245.022	245.022	245.022
2	Vốn chủ sở hữu	420.960	441.716	464.559	489.021	514.454
3	Tổng giá trị tài sản	1.506.086	1.575.659	1.649.539	1.721.014	1.728.641
4	Nợ phải trả	1.085.126	1.133.943	1.184.979	1.231.993	1.214.187

Bảng 13: Cơ cấu tài sản

TT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	14,89%	17,19%	15,63%	12,89%	15,44%
2	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	85,11%	82,81%	84,37%	87,11%	84,56%
3	Các khoản phải thu/Tổng tài sản	11,26%	13,04%	12,03%	10,27%	10,77%

Bảng 14: Chỉ tiêu lợi nhuận

TT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần	31,58%	26,01%	25,24%	24,20%	22,14%
2	Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh /Doanh thu thuần	7,47%	15,93%	15,91%	15,78%	15,42%
3	Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	15,50%	16,03%	16,53%	16,97%	17,23%
4	Lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản	4,33%	4,49%	4,66%	4,82%	5,13%

IV. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2021-2025 nguồn ngân sách Nhà nước thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 3972/KHĐT-TH ngày 19/08/2019 của Cục Kế hoạch và Đầu tư/BQP: **không có**

2. Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách quốc phòng 05 năm 2021-2025 thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 5284/HD-CTC ngày 13/09/2019 của Cục Tài chính/BQP: **không có**

3. Kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm 2021-2025 bằng các nguồn vốn khác (không bao gồm các nguồn vốn quy định tại khoản 1 và 2 nói trên), cụ thể như sau:

3.1 Mục tiêu tổng quát

- Mục tiêu đến năm 2025, đơn vị sẽ tập trung nguồn lực tài chính đầu tư khai thác khu đất 76ha được nhận bàn giao từ Tổng công ty.

- Tăng nguồn cung diện tích kho, phục vụ phát triển ICDLB sang Khu dịch vụ Long Bình, kết nối với hệ thống kho hiện hữu; bảo đảm giữ vững thị phần của ICDLB, thương hiệu Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn trong Khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam.

3.2. Tiến độ đầu tư cụ thể

STT	Nội dung đầu tư	ĐVT	Thời gian dự kiến đầu tư					
			2020	2021	2022	2023	2024	2025
1	Xây dựng kho hóa chất	m ²	11.200					
2	Xây dựng kho thường (Nội địa, ngoại quan và CFS) (khu 32ha)	m ²	44.000		23.000	23.000		48.000
3	Xây dựng kho mát.	m ²				4.000		
4	Đầu tư hệ thống rack, kệ để tăng dung lượng khai thác.	vị trí			15.300	15.300		
5	Đầu tư về CNTT - phần mềm quản lý kho	/m ²	85.800	-	38.300	42.300		48.000
6	Đầu tư hệ thống CCTV an ninh	cải	91	115	40	20	10	20
7	Xe nâng hàng các loại							
	Xe nâng điện, reach truck	cải			5			
	Xe nâng điện tẩu thấp	cải		5	5			
	Xe nâng dầu dưới 3 tấn	cải		5	5			
	Xe nâng dầu 5 tấn	cải		2	3			
	Xe nâng hàng tại bãi	cải		1				

3.3. Chi phí đầu tư hệ thống kho và trang thiết bị

STT	Nội dung đầu tư	Đvt	Số lượng	Tổng suất đầu tư
1	Xây dựng kho thường (Nội địa và CFS) (khu 32ha)	m ²	138.000	661.487
2	Xây dựng kho mát.	m ²	4.000	20.369
3	Xây dựng kho hóa chất	m ²	11.200	42.255
Tổng chi phí đầu tư dự kiến				724.112

STT	Phương tiện	Số lượng	Chủng loại	Tổng đầu tư
1	Đầu tư hệ thống rack, kệ	30.600	Vị trí pallet/ ô kệ	32.130
2	Đầu tư về CNTT - phần mềm quản lý kho	214.400	m ²	6.817
3	Đầu tư hệ thống CCTV an ninh	296	Cài camera	6.634
4	Xe nâng cont hàng	1	Phục vụ khai thác tại bãi	13.000
5	Xe nâng điện, reach truck	5	Càng cao 8-11,5m, Phục vụ khai thác kho kệ cao	6.000
6	Xe nâng điện tầng thấp	10	Càng cao dưới 4m, chui cont	9.000
7	Xe nâng dầu dưới 3 tấn	10	Càng cao dưới 4m, chui cont, dưới 3 tấn	8.000
8	Xe nâng dầu 5 tấn	5	Loại xe 5 tấn, chui cont	4.000
Tổng cộng				85.582

PHẦN IV
GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC, KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH
DOANH, KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

1. Giải pháp về phát triển thị trường, quản trị thương hiệu

- Tổ chức chặt chẽ đội ngũ kinh doanh của công ty, ưu tiên tuyển dụng nhân sự có tâm huyết, đam mê, có kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh kho, dịch vụ logistics, kết nối chặt chẽ hệ thống kinh doanh của TCT trong công tác thị trường.
- Kết hợp với các đơn vị mạnh về kết nối khách hàng, kết nối nhà đầu tư (ngân hàng, hiệp hội, các doanh nghiệp lớn có khả năng hỗ trợ cho các khiếm khuyết của công ty, các tổ chức trong và ngoài nước... nhằm tìm kiếm các cơ hội hợp tác đầu tư, cung ứng dịch vụ.
- Tập trung vào các thị trường chính, ICD có thể mạnh và nhu cầu thị trường cao, đặc biệt là trong khu vực đóng quân; xây dựng các giải pháp khả thi mang lại giá trị cho khách hàng, đối tác để thu hút, phát triển dịch vụ.
- Thực hiện giám sát, đánh giá CLDV, đảm bảo chuẩn CLDV TCSG, nâng tầm uy tín thương hiệu SNP và ILB;
- Phối hợp tốt với các đơn vị tư vấn, tăng uy tín và thương hiệu thông qua TTCK.

2. Giải pháp về khoa học công nghệ

- Chú trọng đầu tư ứng dụng công nghệ trong khai thác (phần mềm kho hàng, hệ thống giám sát an ninh, truy xuất hình ảnh, hệ thống giá kệ tiêu chuẩn), nhằm tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả khai thác và CLDV.
- Ứng dụng CNTT trong việc tiếp cận khách hàng, tiếp nhận phản hồi khách hàng, giảm thời gian giải quyết khiếu nại, phản ánh của khách hàng; quản trị dữ liệu khách hàng phục vụ công tác kinh doanh (CRM, QRcode CSKH).
- Thay thế phần mềm quản lý cổng CMS, ứng dụng phần mềm quản lý depot, container từ TCT.
- Duy trì hoạt động thông suốt hệ thống hải quan tự động.

3. Giải pháp về kinh doanh

- Xây dựng chính sách kinh doanh linh hoạt trong từng giai đoạn, từng điều kiện thị trường, duy trì tỉ lệ khai thác kho trung bình 95%. Đầu tư tối thiểu 4.000 m² kho mát mới, trong điều kiện thuận lợi đạt 10.000 m²; 14.400 m² kho hóa chất mới với điều kiện pháp lý đúng quy định.
- Xây dựng kế hoạch chuẩn bị về nguồn lực (nhân sự, phương tiện, giải pháp khai thác), nhằm đàm phán với các đối tác mới, tham gia cung ứng dịch vụ ngay từ đầu; đồng thời chủ động nâng cao năng lực để từng bước đàm phán với các khách hàng hiện hữu, tham gia dần cung ứng các dịch vụ sâu hơn với chất lượng tốt nhất.
- Chủ động xây dựng chính sách thu hút hãng tàu, khách hàng XNK, kết nối tốt với MKT TCT, SNPL thu hút 5 hãng tàu lớn mở code rỗng tại ICDLB; chính sách thu hút khách hàng HBCX tại ICDLB; Huy động các phương tiện trang bị

trong khu vực, chủ trì cung cấp dịch vụ logistics vòng ngoài tới khách hàng, trở thành nhà cung cấp dịch vụ logistics lớn nhất khu vực Đồng Nai.

4. Giải pháp về đầu tư

- Đầu tư khai thác các CSHT đã được TCT giao khu nhu cầu lớn và cân đối được nguồn vốn, dòng tiền. Tổng diện tích đầu tư mới (dự kiến): 152.400 m² (trong đó có 14.400 m² kho hóa chất mới, 4.000 m² kho mát, trên 30.600 vị trí racking để tăng hiệu quả khai thác kho).
- Về phương tiện: để khai thác dịch vụ container và đáp ứng yêu cầu làm hàng tại kho, trong kỳ đơn vị đầu tư 1 xe nâng container rồng, 01 xe nâng container hàng, 30 xe nâng kho hàng (15 xe điện, 15 xe dầu) để khai thác racking và giảm dần thuê ngoài (năm 2020 đơn vị đang sử dụng dịch vụ thuê ngoài gần 40 xe nâng);
- Đầu tư hệ thống giám sát an ninh cảng ICD (khoảng 206 camera các loại và hệ thống kèm theo); hệ thống kiểm soát người ra/vào ICD, phân luồng lưu thông đúng quy định Cảng cạn.
- Phần mềm quản lý: đầu tư thay thế các phần mềm đã lỗi thời, không đáp ứng được yêu cầu công việc: chủ yếu là phần mềm quản lý kho hàng (KNQ, Kho tổng hợp, kho có kệ), dự kiến chi phí 6.79 tỷ.
- Tìm kiếm các cơ sở kho hàng, bãi hàng sẵn có trong phạm vi quản lý tốt của đơn vị, thuê lại để khai thác, góp phần mở rộng cơ sở, mạng lưới kinh doanh. Đầu tư cải tạo trong điều kiện phù hợp.



PHẦN V

CÁC KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Nhằm khai thác hiệu quả CSHT do TCT giao, giữ vững thị phần và lợi thế cạnh tranh của ICDLB tại địa bàn; nhu cầu sử dụng kho hàng tại ICD đang ngày càng lớn; đơn vị đặt mục tiêu đầu tư xây dựng 6 kho hàng (diện tích 152,400 m²) tại khu đất 126ha TCT đã giao trong nhiệm kỳ; từ đó khai thác và tạo nguồn thu trả thuê CSHT, trả thuế ĐQP; nhu cầu vốn để đầu tư phát triển của ICDLB trong nhiệm kỳ lớn, trong khi VDL, Vốn CSH của công ty hiện nay còn thấp; Kiến nghị TCT có chính sách về vốn để ILB thực hiện được các mục tiêu đầu tư, Cụ thể: công ty tăng vốn điều lệ vào thời điểm phù hợp trong giai đoạn để có nguồn vốn phục vụ đầu tư phát triển; Xem xét đề nghị chỉ trả cổ tức thấp hơn mức hiện tại ít nhất là trong 5 năm, để tăng lợi nhuận giữ lại, tái tạo nguồn vốn đầu tư phát triển; Xem xét các giải pháp huy động vốn khác ngoài kênh vay (VD trái phiếu chuyển đổi) để thu hút các NĐT đầu tư vốn cho doanh nghiệp.

2. Trong điều kiện thuận lợi về đối tác, khách hàng và nguồn vốn phù hợp; Công ty tiếp tục xin nhận khu đất 13ha của TCT với chính sách ưu đãi, để khai thác, mang lại giá trị cho khu đất được giao.

Đồng Nai, ngày 01 tháng 10 năm 2021

GIÁM ĐỐC

PHAN ANH TUẤN

CÁC PHỤ LỤC KÈM THEO

PHỤ LỤC III

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH GIAI ĐOẠN 2021-2025

BẢNG 15: BÁO CÁO KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH GIAI ĐOẠN 2016-2020

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
I	Kết quả sản xuất kinh doanh					
1	Tổng doanh thu	326.197	352.391	398.026	390.774	437.811
2	Doanh thu thuần	323.835	348.849	394.492	385.565	431.027
3	Lợi nhuận trước thuế	62.213	70.547	75.836	71.590	75.557
4	Lợi nhuận sau thuế	50.028	56.829	61.096	57.814	60.990
5	Thu nộp ngân sách					
	Nộp ngân sách NN	33.281	32.093	35.189	25.898	45.150
	Nộp ngân sách QP	10.643	11.297	11.439	26.662	15.958
6	Lao động và thu nhập					
	Lao động bình quân (người)	206	202	199	213	248
	Thu nhập bình quân (trđ/ng/tháng)	15,49	17,67	18,97	17,62	17,04
II	Chỉ tiêu tài chính					
1	Vốn và tài sản					

TT	Chi tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
	Tổng giá trị tài sản	1.001.031	1.029.158	1.217.381	1.455.293	1.396.879
	Vốn điều lệ được duyệt	187.000	187.000	245.022	245.022	245.022
	Vốn chủ sở hữu	272.352	292.565	373.431	383.181	393.648
	Nợ phải thu	110.959	115.461	153.465	206.912	110.194
	Nợ phải trả	728.678	736.592	843.950	1.072.111	1.003.230
	Các khoản phải thu					
	- <i>Đầu tư vào công ty con</i>	20.400	20.400	20.400	20.400	20.400
	- <i>Đầu tư vào công ty LDLK</i>	7.200	-	-	-	-
	- <i>Đầu tư khác</i>	5.238	7.238	7.238	7.238	7.238
2	Cơ cấu tài sản, nguồn vốn					
	Tài sản ngắn hạn/Tổng giá trị tài sản	14,49%	14,74%	18,74%	19,68%	17,27%
	Nợ phải thu /Tổng giá trị tài sản	11,08%	11,22%	12,61%	14,22%	7,89%
	Nợ phải trả /Tổng nguồn vốn	72,79%	71,57%	69,33%	73,67%	71,82%
	Nợ ngắn hạn/ Tổng nguồn vốn	23,42%	21,17%	18,50%	21,02%	21,58%
	Vay ngắn hạn/ Tổng nguồn vốn	7,17%	4,83%	4,05%	3,70%	4,72%
3	Chi tiêu phân tích					
	Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH	18,37%	19,42%	16,36%	15,09%	1,49%
	Hệ số nợ phải trả/Vốn CSH (lần)	2,68	2,52	2,26	2,80	2,55

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
	Khả năng thanh toán hiện thời (lần)	0,62	0,70	1,01	0,94	0,80
4	Các khoản tồn đọng về tài chính					
	Lỗi lũy kế					
	Nợ phải thu khó đòi	(54,33)	(54,33)	(54,33)	(542,76)	(971)

PHỤ LỤC III

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH GIAI ĐOẠN 2021-2025

BẢNG 16: BÁO CÁO KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH GIAI ĐOẠN 2021-2025

TT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
I	Kết quả sản xuất kinh doanh					
1	Tổng doanh thu	484.559	557.234	605.352	659.528	721.480
2	Doanh thu thuần	478092	550.443	598.222	652.041	713.619
3	Lợi nhuận trước thuế	80.637	87.701	95.193	102.923	110.028
4	Lợi nhuận sau thuế	65.243	70.801	76.794	82.978	88.663
5	Thu nộp ngân sách	56.850	59.150	61.871	64.558	66.486
	Nộp ngân sách NN	37.739	40.039	42.760	45.447	47.375
	Nộp ngân sách QP	19.110	19.110	19.110	19.110	19.110
5	Lao động và thu nhập					
	Lao động bình quân (người)	248	318	325	330	330
	Thu nhập bình quân (trđ/ng/tháng)	17,40	18,53	19,46	20,04	21,04
II	Kế hoạch tài chính					
1	Vốn và tài sản					
	Tổng giá trị tài sản	1.506.086	1.575.659	1.649.539	1.721.014	1.728.641
	Vốn điều lệ được duyệt	245.022	245.022	245.022	245.022	245.022
	Vốn chủ sở hữu	420.960	441.716	464.559	489.021	514.454
	Nợ phải trả	1.085.126	1.133.943	1.184.979	1.231.993	1.214.187
	Trong đó: Vốn vay	558.164	532.213	519.452	443.888	480.803
	Các khoản đầu tư					
	- Đầu tư vào công ty con	20.400	20.400	20.400	20.400	20.400

	- <i>Đầu tư vào công ty LDLK</i>					
	- <i>Đầu tư khác</i>	7.238	7.238	7.238	7.238	7.238
2	Cơ cấu tài sản, nguồn vốn					
	Tài sản ngắn hạn/Tổng giá trị tài sản	14,89%	17,19%	15,63%	12,89%	15,44%
	Nợ ngắn hạn/ Tổng nguồn vốn	15,57%	16,11%	15,48%	15,44%	15,50%
3	Chỉ tiêu phân tích					
	Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH	15,50%	16,03%	16,53%	16,97%	17,23%
	Hệ số nợ phải trả/Vốn CSH (lần)	2,6	2,6	2,6	2,5	2,4
	Khả năng thanh toán hiện thời (lần)	0,96	1,07	1,01	0,83	1,00
4	Các khoản tồn đọng về tài chính	(1.579)	(1.579)	(1.579)	(1.579)	(1.579)

PHỤ LỤC IV
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN 5 NĂM 2021-2025

ST T	Nội dung đầu tư	ĐVT	Thời gian dự kiến đầu tư					
			2,020	2,021	2,022	2,023	2,024	2025
1	Xây dựng kho hóa chất	m2	11,200					
2	Xây dựng kho thường (Nội địa, ngoại quan và CFS) (khu 32ha)	m2	44,000		23,000	23,000		48,000
3	Xây dựng kho mát.	m2				4,000		
4	Đầu tư hệ thống rack, kệ để tăng dung lượng khai thác.	vị trí			15,300	15,300		
5	Đầu tư về CNTT - phần mềm quản lý kho	/m2	85,800	-	38,300	42,300	-	48,000
6	Đầu tư hệ thống CCTV an ninh	cái	91	115	40	20	10	20
7	Xe nâng hàng các loại							
	<i>Xe nâng điện, reach truck</i>	cái			5			
	<i>Xe nâng điện nâng thấp</i>	cái		5	5			
	<i>Xe nâng dầu dưới 3 tấn</i>	cái		5	5			
	<i>Xe nâng dầu 5 tấn</i>	cái		2	3			
	<i>Xe nâng hàng tại bãi</i>	cái		1				